

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2018

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Khởi.

Ông Trần Văn Lâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Kim Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Yến N1, sinh năm 1995; cư trú tại khóm B, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lương Thanh C, sinh năm 1988; cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị N2, sinh năm 1972; cư trú tại khóm B, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2018 nguyên đơn chị Dương Thị Yến N1 trình bày:

Vào năm 2017, cha mẹ hai bên có tổ chức đám cưới cho chị Dương Thị Yến N1 và anh Lương Thanh C, sau đám cưới chị N1 và anh C về sống chung với gia đình anh C tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 19/6/2017, chị

N1 và anh C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 175 ngày 20/11/2017. Mâu thuẫn xảy ra giữa hai vợ chồng khi chị N1 sinh con gái đầu lòng vào ngày 05/5/2018 nguyên nhân là do cha chồng của chị N1 và anh C nói con gái do chị N1 sinh ra không phải là con ruột của anh C vì chị N1 sinh thiếu 10 ngày và không thừa nhận cháu, nên chị N1 đã về nhà mẹ ruột sống và không sống chung với anh C từ ngày 05/5/2018 đến nay.

Trong thời gian chung sống, chị N1 và anh C có 01 con chung tên Lương Ngọc Gia H, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2018, hiện nay cháu H đang sống với chị N1.

Về tài sản chung: Chị N1 và anh C có 08 chỉ vàng 24K (một chiếc lắc tay 03 chỉ, 01 dây chuyền 04 chỉ, 01 đôi bông tai 01 chỉ). Số vàng này hiện nay chị N1 đang quản lý 04 chỉ vàng 24K, anh C đang quản lý 04 chỉ vàng 24K.

Về nợ chung: Không có.

Chị Dương Thị Yến N1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị Yến N1 yêu cầu được ly hôn với anh Lương Thanh C.

- Về con chung: Chị N1 yêu cầu được nuôi cháu Lương Ngọc Gia H, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2018 đến tuổi thành niên, chị N1 yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị N1 yêu cầu được nhận hết 08 chỉ vàng 24K.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đến ngày 07 tháng 8 năm 2018, chị Dương Thị Yến N1 có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện với nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị Yến N1 yêu cầu được ly hôn với anh Lương Thanh C.

- Về con chung: Chị N1 yêu cầu được nuôi cháu Lương Ngọc Gia H, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2018 đến tuổi thành niên, chị N1 yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 695.000 đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị N1 và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tường trình ngày 13 tháng 7 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Lương Thanh C trình bày:

Vào năm 2017, cha mẹ hai bên có tổ chức đám cưới cho anh C và chị N1, sau đám cưới chị N1 và anh C về sống chung với gia đình anh C và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên

không còn sống chung từ ngày 18/5/2018 đến nay chứ không phải ngày 05/5/2018 như chị N1 trình bày.

Trong thời gian sống chung, anh C và chị N1 có 01 con chung tên Lương Ngọc Gia H, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2018, hiện nay cháu H đang sống với chị N1. Trong thời gian chung sống, anh C và chị N1 có một số tài sản chung; về nợ chung không có.

Nay trước yêu cầu của chị N1 anh C có ý kiến như sau:

- Anh C đồng ý ly hôn với chị N1.

- Khi ly hôn anh C đồng ý giao con chung cho chị N1 nuôi dưỡng và anh C không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, nếu chị N1 không đồng ý thì chị N1 giao con chung lại cho anh C nuôi dưỡng, vì anh C không có nghề nghiệp, không tạo ra được thu nhập để cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh C thống nhất anh và chị N1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tường trình ngày 07 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N2 trình bày:

Trước khi lấy chồng, chị N1 là con gái của bà N2 có đi làm tại tỉnh Bình Dương và gửi tiền về cho bà N2 giữ dùm. Trước khi cưới, bà N2 thấy chị N1 không có vàng đeo nên bà N2 lấy tiền của chị N1 gửi về để mua vàng là 01 bộ lắc 07 chỉ vàng 18K và 01 chiếc kiềng đeo cổ 03 chỉ vàng 24K cho chị N1 đeo cho có với người ta. Sau đám cưới, chị N1 đã gửi lại số vàng trên cho bà N2 giữ dùm. Bà N2 khẳng định số vàng trên là tài sản riêng của chị N1.

Nay chị N1 và anh C tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung nên bà N2 không có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn mâu thuẫn với nhau do khi chị N1 sinh con thì anh C và cha của anh C cho rằng không phải con chung giữa chị N1 và anh C nên phát sinh mâu thuẫn; anh chị không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao cháu Lương Ngọc Gia H, sinh ngày 05/5/2018 cho nguyên đơn chị N1 nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi,

buộc bị đơn C cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 695.000 đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn và bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Dương Thị Yến N1 cư trú tại khóm B, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; anh Lương Thanh C cư trú tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị N1 có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh C và yêu cầu được nuôi con chung. Chị N1 đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho chị N1 nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị N1 đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của chị Dương Thị Yến N1 là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Yến N1, sinh năm 1995 và anh Lương Thanh C, sinh năm 1988 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19 tháng 6 năm 2017 (theo giấy trích lục kết hôn số 175/TLKH-BS ngày 20/11/2017) nên quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị Yến N1 và anh Lương Thanh C là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Dương Thị Yến N1, Hội đồng xét xử thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị N1, anh C hạnh phúc được một thời gian. Đến ngày 05/5/2018, chị N1 sinh con thì anh C và cha của anh C cho rằng không phải con chung giữa chị N1 và anh C nên phát sinh mâu thuẫn và khi xuất viện chị N1 về nhà cha, mẹ ruột chị N1 tại khóm B, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng sống cho đến nay và chị N1, anh C đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N1, anh C trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N1.

[5] Về con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N1 yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lương Ngọc Gia H, sinh ngày 05/5/2018 đến tuổi thành niên. Xét

yêu cầu được nuôi con chung của chị N1, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh ra cho đến nay cháu H đều do chị N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay cháu H dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao cháu Lương Ngọc Gia H, sinh ngày 05/5/2018 cho chị N1 nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị N1 yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 695.000 đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi nhưng anh C không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung vì anh không có việc làm ổn định. Xét yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung của chị N1, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay chị N1 không có việc làm, việc nuôi con do cha, mẹ của chị N1 chăm lo, căn cứ theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N1 buộc anh C có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi cháu Lương Ngọc Gia H, sinh ngày 05/5/2018 mỗi tháng 695.000 đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

[7] Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, anh Lương Thanh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Dương Thị Yến N1.

[8] Về tài sản chung: Chị Dương Thị Yến N1 và anh Lương Thanh C tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[9] Về nợ chung: Chị Dương Thị Yến N1 và anh Lương Thanh C thống nhất anh, chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Chị Dương Thị Yến N1 là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Anh Lương Thanh C có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con nên căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Yến N1 và anh Lương Thanh C được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Ngọc Gia H, sinh ngày 05/5/2018 cho chị Dương Thị Yến N1 nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Lương Thanh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị N1.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Thanh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lương Ngọc Gia H, sinh ngày 05/5/2018 mỗi tháng 695.000 đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 27/9/2018 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi. Chị Dương Thị Yến N1 là người đại diện hợp pháp của cháu Lương Ngọc Gia H là người đại diện nhận tiền cấp dưỡng.

4. Về tài sản chung: Chị Dương Thị Yến N1 và anh Lương Thanh C tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét

5. Về nợ chung: Chị Dương Thị Yến N1 và anh Lương Thanh C thống nhất anh, chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Chị Dương Thị Yến N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 1.016.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0000057 ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho chị N1 số tiền chênh lệch 716.000 đồng. Anh Lương Thanh C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn